

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I. LÃNH THỔ QUỐC GIA VÀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA

1. Lãnh thổ quốc gia

a) Khái niệm lãnh thổ quốc gia

- Lãnh thổ quốc gia, cư dân, chính quyền là ba bộ phận cấu thành một quốc gia độc lập có chủ quyền. Trong đó, lãnh thổ là vấn đề quan trọng hàng đầu, là không cần thiết, là cơ sở thực tế cho sự tồn tại của quốc gia. Nói cách khác, quốc gia được hình thành và phát triển trong phạm vi lãnh thổ của mình.

- Lãnh thổ quốc gia xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước. Ở thời kì đầu, lãnh thổ quốc gia chỉ là những vùng đất nhỏ hẹp, được xác định trên đất liền, những vùng đất này có điều kiện địa lí tự nhiên thuận lợi cho sản xuất đặc biệt là nông nghiệp.

- Khoa học kĩ thuật phát triển cùng với sự lớn mạnh của hệ thống chính trị xã hội, lãnh thổ quốc gia không ngừng được phát triển và hoàn thiện. Ban đầu lãnh thổ quốc gia chỉ xác định ở trên đất liền, dần dần được mở rộng ra biển, lên không trung và sâu xuống lòng đất. Hai yếu tố kĩ thuật và chính trị đã và đang tác động thường xuyên, mạnh mẽ làm cho khái niệm lãnh thổ quốc gia ngày càng hoàn chỉnh. Ngày nay, lãnh thổ quốc gia được định nghĩa: *“Lãnh thổ quốc gia là một phần của Trái Đất. Bao gồm: vùng đất, vùng nước, vùng trời trên vùng đất và vùng nước, cũng như lòng đất dưới chúng thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của một quốc gia nhất định”*.

b) Các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia gồm các bộ phận cấu thành là vùng đất, vùng nước, vùng lòng đất, vùng trời.

- Vùng đất: Vùng đất của quốc gia là phần lãnh thổ chủ yếu và thường chiếm một phần diện tích lớn so với các phần lãnh thổ khác. Vùng đất lãnh thổ gồm toàn bộ phần đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia (kể cả các đảo ven bờ và xa bờ).

- Vùng nước: là toàn bộ các phần nước nằm trong đường biên giới quốc gia. Tuy nhiên, do vị trí địa lí và các yếu tố tự nhiên của từng quốc gia có biển hay không có biển mà các phần nước quốc gia không giống nhau. Dựa theo vị trí, tính chất riêng từng vùng, người ta thường chia vùng nước thành các bộ phận:

+ Vùng nước nội địa: gồm biển nội địa, các ao hồ, sông suối...(kể cả tự nhiên hay nhân tạo) nằm trên vùng đất liền hay biển nội địa.

+ Vùng nước biên giới: bao gồm các sông, hồ, biển nội địa nằm trên khu vực biên giới giữa các quốc gia. Về bản chất thì vùng nước biên giới cũng giống vùng nước nội địa nói chung, nhưng do chúng nằm ở trên khu vực biên giới nên quá trình khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước có liên quan trực tiếp đến các quốc gia có chung đường biên giới. Do vậy, các quốc gia hữu quan thường kí kết các điều ước quốc tế quy định về sử dụng, khai thác, bảo vệ nguồn nước này vì lợi ích chung của các bên.

+ Vùng nước nội thủy: là vùng nước biển được xác định một bên là bờ biển và một bên khác là đường cơ sở của quốc gia ven biển. Vùng nước nội thủy thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ các quốc gia ven biển. Thực tế của các quốc gia có biển cho thấy, vùng nước nội thủy bao gồm nhiều bộ phận có tính chất và quy chế pháp lý khác nhau, ví dụ: các vịnh thiên nhiên, các cảng biển, các vũng đậu tàu, các vùng nước lịch sử,... Trường hợp các quốc gia quần đảo thì vùng nước này là toàn bộ những vùng nước biển nằm trong biên giới quốc gia và được gọi là vùng nước quần đảo.

+ Vùng nước lãnh hải: là vùng biển nằm ngoài và tiếp liền với vùng nội thủy của quốc gia (hoặc vùng nước quần đảo của quốc gia quần đảo). Bề rộng của lãnh hải theo công ước luật biển năm 1982 do quốc gia tự quy định nhưng không vượt quá 12 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của quốc gia. Lãnh thổ Việt Nam rộng hơn 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra ngoài. Lãnh thổ Việt Nam bao gồm lãnh hải đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải quần đảo.

- Vùng lòng đất: là toàn bộ phần nằm dưới vùng đất và vùng nước thuộc chủ quyền quốc gia. Theo nguyên tắc chung được mặc nhiên thừa nhận thì vùng lòng đất được kéo dài tới tận tâm Trái Đất.

-Vùng trời: là khoảng không bao trùm lên vùng đất và vùng nước của quốc gia. Trong các tài liệu, văn bản pháp lý quốc tế từ trước đến nay chưa có quy định cụ thể và thống nhất về độ cao của vùng trời quốc gia. Trong thực tiễn mỗi nước quy định khác nhau. Một số nước lấy độ cao của tầng khí quyển làm giới hạn của mình, một số nước lại lấy độ cao quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh.

Tuyên bố ngày 5 /6/1984 của Việt Nam cũng không quy định độ cao của vùng trời Việt Nam.

Vùng đất, vùng nước, vùng trời, vùng lòng đất là các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia. Các vùng này thuộc chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và tuyệt đối của quốc gia. Riêng vùng nước lãnh hải, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối những không đầy đủ và phải đảm bảo quyền đi qua không gây hại theo đúng Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

-Vùng lãnh thổ đặc biệt: Ngoài các vùng lãnh thổ đã nêu trên, các tàu thuyền , các phương tiện bay mang cờ hoặc dấu hiệu riêng biệt và hợp pháp của quốc gia, các công trình nhân tạo, các thiết bị, hệ thống cáp ngầm, ống dẫn ngầm..., hoạt động hoặc nằm ngoài phạm vi lãnh thổ của các quốc gia như ở vùng biển quốc tế, vùng Nam cực, khoảng không vũ trụ...cũng được thừa nhận như một phần lãnh thổ quốc gia. Các phần lãnh thổ này còn được gọi với những tên khác nhau như: lãnh thổ bơi, lãnh thổ bay...

Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982 ra đời phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai nguyên tắc lớn là: Tự do biển cả và chủ quyền quốc gia. Các nguyên tắc này đảm bảo cho tất cả các quốc gia có quyền tự do biển cả, đồng thời mở rộng một phần chủ quyền cho quốc gia ven biển. Theo đó, các quốc gia ven biển được mở rộng quyền của mình ra hướng biển khai thác các lợi ích kinh tế ngoài biên giới quốc gia của mình. Do vậy, Luật Biển quốc tế đã hình thành các chế định về vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Các vùng này được coi là không gian đặc thù, không phải của riêng quốc gia ven biển, nhưng cũng không còn là vùng biển của cả nhân loại như các vùng biển quốc tế (biển cả). Vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền

kinh tế và thêm lục địa được gọi là vùng thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán (quyền xét xử) của quốc gia ven biển.

2. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

a) Khái niệm chủ quyền lãnh thổ quốc gia:

- Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền tối cao, tuyệt đối, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình.

- Quyền tối cao của quốc gia với lãnh thổ là quyền quyết định mọi vấn đề của quốc gia với lãnh thổ, đó là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm. Quốc gia có quyền đặt ra quy chế pháp lý đối với lãnh thổ. Với tư cách là chủ sở hữu, Nhà nước có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với lãnh thổ thông qua hoạt động của nhà nước như lập pháp và tư pháp.

Theo Hiến pháp 1992 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời*”.

b) Nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia thuộc chủ quyền hoàn toàn riêng biệt của một quốc gia. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền lực tối cao, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình. Nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia gồm:

- Quốc gia có quyền tự lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp với cộng đồng cư dân sống trên lãnh thổ mà không có sự can thiệp áp đặt dưới bất kì hình thức nào từ bên ngoài.

- Quốc gia có quyền tự do lựa chọn phương hướng phát triển đất nước, thực hiện những cải cách kinh tế, xã hội phù hợp với đặc điểm quốc gia. Các quốc gia khác các tổ chức quốc tế phải có nghĩa vụ tôn trọng sự lựa chọn đó.

- Quốc gia tự quy định chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ quốc gia.

- Quốc gia có quyền sở hữu hoàn toàn tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ của mình.

- Quốc gia thực hiện quyền tài phán (xét xử) đối với mọi công dân, tổ chức, kể cả các cá nhân, tổ chức nước ngoài ở trong phạm vi lãnh thổ của mình (trừ những trường hợp pháp luật quốc gia, hoặc điều ước quốc tế mà quốc gia đó tham gia là thành viên có quy định khác).

- Quốc gia có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp, có quyền điều chỉnh, kiểm soát hoạt động của các công ty đa quốc gia, sở hữu của người nước ngoài cũng như hoạt động của các tổ chức tương tự, kể cả trường hợp quốc hữu hóa, tịch thu, trưng thu tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài có bồi thường hoặc không bồi thường.

- Quốc gia có quyền và nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo lãnh thổ quốc gia theo những nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế; có quyền quyết định sử dụng, thay đổi lãnh thổ phù hợp với pháp luật và lợi ích của cộng đồng dân cư sống trên lãnh thổ đó.

II. BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Sự hình thành biên giới quốc gia Việt Nam.(BGQG)

Cùng với việc hình thành và mở rộng lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam dần cũng hoàn thiện.

- Tuyến biên giới đất liền: Biên giới Việt Nam - Trung Quốc dài 1449,566 km đã được hai nước kí kết Hiệp ước biên giới quốc gia trên đất liền, đã hoàn thành việc phân giới cắm mốc và kí Hiệp định quy chế quản lí biên giới. Biên giới Việt Nam – Lào dài 2340 km được hoạch định và phân giới cắm mốc theo Hiệp ước hoạch định biên giới ngày 18/7/1977, hiện nay hai nước thỏa thuận tôn tạo, tăng dày hệ thống mốc biên giới. Biên giới Việt Nam – Campuchia dài 1137 km được hoạch định theo Hiệp ước ngày 27/2/1985, Hiệp ước bổ sung ngày 10/10/2005 và hai nước thỏa thuận tiến hành phân giới cắm mốc.

- Tuyến biển đảo Việt Nam đã xác định được 12 điểm để xác định đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải theo tuyên bố ngày 12/11/1982 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ điểm 0 đến A11). Đã đàm phán với Trung Quốc ký kết Hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ ngày 25/12/2000. Ngày 7/7/1982, Việt Nam đã kí kết với Campuchia thiết lập vùng nước lịch sử giữa hai nước. Đồng thời đã kí các hiệp định phân định biển với Thái Lan; Indonêsi-a. Như vậy, Việt Nam còn phải giải quyết phân định biển với Trung Quốc trên biển Đông và chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; với Campuchia về biên giới trên biển; với Malaixia về chồng lấn vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; với Phillipin về tranh chấp trên quần đảo Trường Sa. Sau khi giải quyết xong những vấn đề trên, Việt Nam mới có thể xác định chính xác, đầy đủ biên giới quốc gia trên biển và các ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

2. Khái niệm BGQG

a) Khái niệm:

- Các nước trên thế giới đều xây dựng khái niệm biên giới quốc gia và chính thức ghi nhận trong một đạo luật về biên giới. Các khái niệm tuy khác nhau nhưng nhìn chung đều thể hiện hai dấu hiệu đặc trưng.

- Một là, biên giới quốc gia là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia.

- Hai là, biên giới quốc gia xác định chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ (vùng đất, vùng nước, vùng trời, lòng đất).

Kế thừa kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới, Điều 1 Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “BGQG nước CHXHCNVN là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo các đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời nước CHXHCNVN”.

b) Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia:

Biên giới quốc gia được cấu thành bởi đường biên giới quốc gia trên đất liền và đường biên giới quốc gia trên biển. Đồng thời có mặt thẳng đứng đi qua đường đó xác định giới hạn lòng đất và vùng trời của quốc gia. Như vậy, có thể hiểu biên giới quốc gia gồm 4 bộ phận cấu thành biên giới là: biên giới trên đất liền, biên giới trên biển, biên giới lòng đất và biên giới trên không.

- Biên giới quốc gia trên đất liền: Biên giới quốc gia trên đất liền là đường phân chia chủ quyền lãnh thổ đất liền của một Quốc gia với Quốc gia khác. Nó được hoạch định và phân giới cắm mốc thông qua đàm phán thương lượng với các nước có chung biên giới.

- Biên giới quốc gia trên biển:

Biên giới quốc gia trên biển có thể có hai phần:

+ Một phần là đường phân định nội thủy, lãnh hải giữa các nước có bờ biển tiếp liền hay đối diện nhau. Đường này được xác định bởi điều ước giữa các nước hữu quan.

+ Một phần là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải để phân cách với các biển và thềm lục địa thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển; đường này do Luật của quốc gia ven biển quy định.

- Biên giới lòng đất của quốc gia: Biên giới lòng đất của quốc gia là biên giới được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển xuống lòng đất, độ sâu tới tâm Trái Đất.

- Biên giới trên không:

Là biên giới vùng trời của quốc gia, gồm hai phần:

+ Phần thứ nhất, là biên giới bên sườn được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển của quốc gia lên không trung.

+ Phần thứ hai, là phần giới quốc trên cao để phân định ranh giới vùng trời thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của giới quốc và khoảng không gian vũ trụ phía trên. Cho đến nay, Luật Quốc tế vẫn chưa có quy định thống nhất về độ cao của vùng trời. Trong thực tiễn, điều này tùy thuộc vào tuyên bố của từng nước. Việt Nam không xác định giới hạn độ cao biên giới phía trên của khoảng không gian.

3. Xác định BGQG Việt Nam

a) Về nguyên tắc cơ bản xác định biên giới quốc gia.

- Biên giới quốc gia được xác định bằng điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết hoặc gia nhập hoặc do pháp luật Việt Nam quy định.

- Các nước trên thế giới cũng như Việt Nam đều tiến hành xác định biên giới theo 2 cách cơ bản:

+ Thứ nhất, các nước có chung biên giới hoặc ranh giới trên biển (nếu có) tự thương lượng để giải quyết vấn đề xác định biên giới quốc gia. Các hình thức cơ bản mà quốc gia thường dùng đó là: Đàm phán trực tiếp để đi đến kí kết Hiệp ước hoạch định biên giới hoặc sử dụng một cơ quan tài phán hay trọng tài quốc tế để phán quyết vấn đề biên giới, lãnh thổ.

+ Thứ hai, đối với biên giới giáp với các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia. Nhà nước tự quy định biên giới phù hợp với các quy định trong công ước của LHQ về luật biển 1982.

- Ở Việt Nam mọi kí kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về biên giới của Chính phủ phải được Quốc hội phê chuẩn thì điều ước quốc tế ấy mới có hiệu lực với Việt Nam.

b) Cách xác định biên giới quốc gia

Mỗi loại biên giới quốc gia được xác định theo các cách khác nhau:

- Xác định biên giới quốc gia trên đất liền: Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới.

+ Nguyên tắc chung hoạch định biên giới quốc gia trên đất liền bao gồm:

- Biên giới quốc gia trên đất liền được xác định bằng các điểm (tọa độ, điểm cao), đường (đường thẳng, đường sông núi, đường cái, đường mòn), vật chuẩn (cù lao, bãi bồi).

- Biên giới quốc gia trên sông, suối được xác định:

- * Trên sông mà tàu thuyền đi lại được, biên giới được xác định theo giữa lạch của sông hoặc lạch chính của sông.

- * Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được thì biên giới theo giữa sông, suối đó. Trường hợp sông, suối đổi dòng thì biên giới vẫn giữ nguyên.

- * Biên giới trên cầu bắc qua sông, suối được xác định chính giữa cầu, không kẻ biên giới dưới sông, suối như thế nào.

+ Khi biên giới đã được xác nhận, cần có các biện pháp và phương pháp cố định biên giới đó, nghĩa là giữ cho biên giới luôn ở vị trí đã xác định, làm cho tất cả mọi người có thể nhận biết rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ, duy trì kiểm soát việc chấp hành các luật lệ và quy định về biên giới. Thông thường các nước trên thế giới sử dụng ba phương pháp để cố định đường biên giới quốc gia:

- * Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới: Mô tả đường biên giới trong hiệp ước biên giới và nghị định thư phân giới cắm mốc; mô tả bằng hình ảnh,...

- * Đặt mốc quốc giới: Các nước có chung biên giới theo thỏa thuận về số lượng, hình dáng, kích thước, chất liệu, mô chính, mốc phụ; phương pháp đặt mốc (trực tiếp hay mốc gián tiếp), cách đánh số hiệu, màu sắc,...

- * Dùng đường phát quang: Nếu hai nước cùng phát quang thì biên giới là đường chính giữa đường phát quang ấy.

Ở Việt Nam hiện nay mới dùng hai phương pháp: Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới và đặt mốc quốc giới. Chúng ta chưa có điều kiện làm đường phát quang vì địa hình rừng núi phức tạp, khí hậu nhiệt đới nên rừng cây rậm rạp khó có thể làm đường phát quang được.

Như vậy, việc xác định biên giới quốc gia trên đất liền thực hiện theo ba giai đoạn là: Hoạch định biên giới bằng điều ước quốc tế; phân giới trên thực địa (xác định đường biên giới); cắm mốc quốc giới để cố định biên giới.

- Xác định biên giới quốc gia trên biển: Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo Việt Nam được xác định bằng luật pháp Việt Nam phù hợp với Công ước năm 1982 và điều ước quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia hữu quan. Nếu các vùng biển Việt nam có vùng chồng lán với các nước hữu quan thì phải thông báo qua đàm phán để xác định bằng điều ước quốc tế. Chủ quyền

của Việt Nam phía trong đường biên giới trên biển là chủ quyền hoàn toàn đầy đủ như trên đất liền, trừ quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải. Còn ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa chỉ xác định quyền chủ quyền và quyền tài phán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước 1982.

- Xác định biên giới quốc gia trong lòng đất:

+ Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.

+ Mặt phẳng đứng từ ranh giới phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa xuống lòng đất xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước giữa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

+ Như vậy, biên giới trong lòng đất theo Luật Biên giới quốc gia được mặc nhiên thừa nhận. Ranh giới trong lòng đất của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, nước ta có quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia.

- Xác định biên giới quốc gia trên không:

+ Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.

+ Biên giới quốc gia trên không xác định chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt khoảng không gian bao trùm trên lãnh thổ, do quốc gia tự xác định và các nước mặc nhiên thừa nhận. Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vùng trời Việt Nam ngày 5/6/1984 xác định: “ Vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là không gian ở trên đất liền, nội thủy, lãnh hải và các đảo của Việt Nam và thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

II. BẢO VỆ BGQG NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

1. Một số quan điểm của Đảng và nhà nước CHXH CN Việt Nam về bảo vệ biên giới quốc gia.

a) Biên giới quốc gia nước CHXHCN Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, biết bao thế hệ người Việt Nma đã đem công sức, mồ hôi và xương máu của mình để giữ gìn độc lập và xây dựng giang sơn, Cách mạng tháng Tám thắng lợi, ngày 2 tháng 9 năm 1945, trên Quảng trường Ba Đình, trong bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “..Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”

Như vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng độc lập chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia, đồng thời xác định bảo vệ biên giới quốc gia gắn liền liền với bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm bảo vệ không gian sinh tồn của cả dân tộc.

b) Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của Nhà nước và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh của đất nước. Vì vậy, bảo vệ biên giới quốc gia là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trước hết là chính quyền, nhân dân khu vực biên giới và các lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó Bộ đội Biên phòng làm nòng cốt, chuyên trách trong quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia.

c) Bảo vệ biên giới quốc gia phải dựa vào dân, trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới.

Nước ta có biên giới quốc gia dài, đi qua địa hình phức tạp, hiểm trở, có vùng biển rộng, lực lượng chuyên trách quản lí biên giới quốc gia không thể bố trí khép kín trên các tuyến biên giới, vùng biển. Vì vậy, quản lí, bảo vệ, biên giới phải dựa vào dân, mà trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới. Đây chính là lực lượng tại chỗ rất quan trọng góp phần thực hiện nhiệm vụ quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia.

d) Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị; giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia bằng biện pháp hoà bình.

Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác cùng phát triển với các nước có liên quan vừa là mong muốn, vừa là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta: Giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, biên giới của Tổ quốc; đồng thời tôn trọng chủ quyền của các nước láng giềng, xây dựng biên giới hữu nghị thân thiện với các nước láng giềng.

Mọi bất đồng trong quan hệ biên giới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đàm phán thương lượng giữa các nước hữu quan trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau, phù hợp với luật pháp và thực hiện quốc tế.

e) Xây dựng lực lượng vũ trang chuyên trách, nòng cốt để quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia thực sự vững mạnh theo

Kế thừa kinh nghiệm quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia của ông cha ta, trên cơ sở tổng kết thực tiễn quản lí, bảo vệ biên giới Việt Nam từ năm 1945 đến nay Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định Bộ đội Biên phòng là lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng, của Nhà nước làm nòng cốt, chuyên trách, quản lí, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh trật tự biên giới quốc gia. Vì vậy, Nhà nước xây dựng Bộ đội Biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Vị trí, ý nghĩa của việc xây dựng, quản lí và bảo vệ biên giới quốc gia.

- Biên giới là bờ cõi, là tuyến đầu của Tổ quốc, là cửa ngõ để giao lưu giữa các quốc gia. Khu vực biên giới là địa bàn chiến lược về quốc phòng – an ninh của mỗi nước.

- Xuất phát từ vị trí, đặc điểm của biên giới quốc gia nên việc xây dựng, quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và đối ngoại.

- Xây dựng khu vực biên giới có quan hệ chặt chẽ với quản lý, bảo vệ biên giới. Chỉ có xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện mới tạo điều kiện, cơ sở cho quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giữ vững ổn định bên trong, ngăn ngừa hoạt động xâm nhập, phá hoại từ bên ngoài, tăng cường đoàn kết hữu nghị với các nước láng giềng, tạo môi trường thuận lợi cho xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

b) Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lý, bảo vệ BGQG.

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về biên giới quốc gia: Xây dựng nhà nước pháp quyền, quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một trong những nguyên tắc cơ bản trong cải cách hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Do vậy, để nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, trước hết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về biên giới, lãnh thổ.

- Quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, hệ thống dấu hiệu mốc quốc giới; đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm lãnh thổ, biên giới, vượt biên, vượt biển và các vi phạm khác xảy ra ở khu vực biên giới:

+ Biên giới quốc gia, hệ thống mốc quốc giới, công trình biên giới phải được giữ gìn, quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt.

+ Mục đích của quản lý bảo vệ biên giới quốc gia là giữ gìn sự nguyên vẹn hệ thống mốc quốc giới, đảm bảo cho đường biên giới không bị thay đổi; đồng thời đấu tranh với các hành động làm thay đổi đường biên giới quốc gia, tùy tiện qua lại biên giới, các hành vi vi phạm và tội phạm qua lại biên giới.

- Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện:

Để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia phải xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt.

+ Về chính trị: Phải xây dựng được “thế trận lòng dân” vững chắc; xây dựng được hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; đảm bảo cho sự đoàn kết thống nhất trong toàn xã hội. Xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân các dân tộc vùng biên giới. Tạo ra “vùng đệm” vững mạnh có khả năng bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

+ Về kinh tế - xã hội: Có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, biện pháp phát triển kinh tế-xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đồng thời xây dựng tiềm lực tại chỗ phục vụ yêu cầu quản lý, bảo vệ biên giới.

+ Về quốc phòng – an ninh: Có chiến lược xây dựng kinh tế-xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

- Xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

+ Xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc là vấn đề về chiến lược, có ý nghĩa quan trọng trong quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia trước mắt cũng như lâu dài.

+ Nước ta có đường biên giới đất liền dài 4.510km, bờ biển lục địa dài 3.260km, vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền rộng hơn 3 lần vùng đất, do vậy, ta phải xây dựng nền Biên phòng toàn dân, thế trận Biên phòng toàn dân để huy động sức mạnh của cả nước, mà chủ yếu là ở khu vực biên giới để vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia.

- Vận động quần chúng nhân dân ở khu vực biên giới tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới; bảo vệ an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

+ Tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng nhân dân nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là văn bản pháp luật về biên giới. Giáo dục ý thức về độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước, truyền thống của dân tộc và ý thức cảnh giác cách mạng,...

+ Hướng dẫn cho quần chúng nắm chắc vị trí, dấu hiệu đường biên giới, mốc biên giới; biết cách phát hiện, báo tin cho bộ đội biên phòng, chính quyền địa phương, cơ quan tổ chức khi dấu hiệu đường biên giới và mốc giới bị thay đổi, bị mất, bị phá hoại,...

+ Tổ chức cho quần chúng học tập cách thức đấu tranh chống lấn chiếm biên giới, đấu tranh với các hành vi vi phạm và tội phạm. Huy động quần chúng tham gia đấu tranh bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia khi cần thiết. Tích cực giúp đỡ lực lượng nòng cốt, chuyên trách về tinh thần, vật chất để hoàn thành nhiệm vụ quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia.

+ Tổ chức cho các xã, bản biên giới cam kết tự quản đoạn biên giới, mốc biên giới thuộc đất đai của xã, bản mình; có ý thức quản lí, bảo vệ đường biên, mốc quốc giới như giữ gìn ranh giới ruộng đất, núi rừng của xã, bản mình.

c) Trách nhiệm của công dân

- Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992 quy định: “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân,... công dân phải làm đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng an ninh do pháp luật quy định”. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của mọi công dân, công dân phải làm đầy đủ nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Điều 10 luật biên giới Việt Nam xác định: “Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do nhà nước thống nhất quản lí”. Mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng khu vực biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Để thực hiện trách nhiệm của mình, trước hết công dân phải nhận thức rõ nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; chấp hành nghiêm Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước, trước hết là thực hiện nghiêm Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới; tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao; cảnh giác với mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

- Học sinh phải ra sức học tập, không ngừng nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở đó, xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lập tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc. Tích cực học tập kiến thức quốc phòng-an ninh, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi Nhà nước và người có thẩm quyền huy động, động viên. Tích cực tham gia các phong trào của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, phong trào mùa hè xanh, phong trào thanh niên tình nguyện hướng về vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

KẾT LUẬN

Đề bảo vệ chủ quyền biển đảo, trước hết thanh niên và học sinh nói riêng phải xác định giữ vững biển đảo bằng tri thức về chủ quyền biển đảo. Chúng ta cần nghiên cứu và nhận thức sâu sắc về ý nghĩa thiêng liêng chủ quyền biển đảo và giá trị to lớn về chủ quyền mà ông cha ta đã đổ xương máu để xây dựng; về lịch sử Việt Nam đặc biệt là lịch sử địa lý liên quan đến chủ quyền biển đảo, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa... tìm hiểu rõ chính sách ngoại giao nhất quán của Đảng và Nhà nước về vấn đề biển Đông cũng như nội dung pháp luật, chế độ pháp lý của các vùng biển theo Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982. Học sinh cần hưởng ứng và tham gia tích cực vào các diễn đàn hợp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án và đấu tranh tham gia ngăn chặn các hành vi xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Điều quan trọng nữa là không ngừng tu dưỡng phẩm chất của người Việt Nam, tích cực tham gia xây dựng đất nước giàu mạnh, có định hướng lý tưởng yêu nước và đoàn kết thì chúng ta sẽ kết nối khối sức mạnh lớn để bảo vệ chủ quyền biển đảo. Bên cạnh đó, sẵn sàng chuẩn bị tinh thần tham gia trực tiếp vào công cuộc giữ gìn biển đảo quê hương bằng những gì mình có thể.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Trình bày khái niệm lãnh thổ quốc gia, các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia.
2. Khái niệm và nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia.
3. Trình bày khái niệm, các bộ phận cấu thành, nguyên tắc và cách xác định biên giới quốc gia.
4. Các quan điểm của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bảo vệ biên giới quốc gia.
5. Nội dung cơ bản xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
6. Trách nhiệm của công dân trong xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.